| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 396/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 8 - 2018
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Ngọc Lương

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Trịnh Thị Lan
Ông Nguyễn Văn Quỹ

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Đinh Thị Thanh Hương – Thư ký Toà án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên toà:*** Bà Phạm Thị Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 327/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Phùng Thị Thanh V, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số 420 đường T (nay là số 64 đường Â), phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

*2. Bị đơn*: Anh Vũ Hồng H, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số 420 đường T (nay là số 64 đường Â), phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

*(Tại phiên tòa, chị V có mặt; anh H có đơn xin xử vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Tại đơn khởi kiện nộp ngày 09-7-2018, bản tự khai ngày 18-7-2018 và biên bản hoà giải ngày 23-7-2018, nguyên đơn là chị Phùng Thị Thanh V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Hồng H có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N vào tháng 12 năm 1992 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn đến khoảng năm 2000 do bất cẩn nên con chị đã xé nát giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của vợ chồng chị. Ngày 11-7-2018, chị

đã đến Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N xin cấp lại giấy chứng nhận kết hôn nhưng tại Ủy ban nhân dân phường N không còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn năm 1992. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 5 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H chơi bời, đánh đập vợ nên vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Vợ chồng chị đã nhiều lần nói chuyện nhưng anh H không sửa chữa. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị giải quyết việc ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung Vũ Hoàng Y, sinh ngày 08-02-1994 và Vũ Thị Thanh N, sinh ngày 09-10-1996. Hiện nay hai con chung đều đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lập và có công việc ổn định.

- Về chia tài sản chung: Chị và anh H tự thỏa thuận giải quyết, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18-7-2018 và biên bản hoà giải ngày 23-7-2018, bị đơn là anh Vũ Hồng H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H thống nhất như lời trình bày của chị V. Nay anh xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh trầm trọng không thể hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn với chị V.

- Về nuôi con chung: Anh thống nhất như lời trình bày của chị V.

- Về chia tài sản chung: Anh và chị V tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ngày 11-7-2018, Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N đã xác nhận tại tờ khai đăng ký lại kết hôn của chị Phùng Thị Thanh V với nội dung: Sổ đăng ký kết hôn năm 1992 ở Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N hiện nay không còn lưu.

4. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc Hội Đề nghị Hội đồng: Tuyên bố

không công nhận quan hệ quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh H. Về con chung: Hai con chung của chị V và anh H đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, tự lập. Về tài sản chung: Chị V và anh H tự thỏa thuận giải quyết, không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Vũ Hồng H đã được Toà án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Trong quá trình giải quyết vụ án chị V và anh H không xuất trình được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Anh H, chị V cùng thống nhất trình bày vợ chồng anh chị có đăng ký kết hôn vào tháng 12 năm 1992 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N nhưng theo cung cấp của Ủy ban nhân dân phường N thì hiện nay Ủy ban nhân dân phường không còn lưu Sổ đăng ký kết hôn năm 1992 nên không có chứng cứ, tài liệu chứng minh việc đăng ký kết hôn của chị V và anh H. Nay chị V có đơn đề nghị được ly hôn với anh H, căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh H.

[3] *Về con chung:* Chị V và anh H có hai con chung Vũ Hoàng Y, sinh ngày 08-02-1994 và Vũ Thị Thanh N, sinh ngày 09-10-1996. Hai con chung của chị V và anh H đều đã trên 18 tuổi, có đủ khả năng lao động, tự lập. Chị V và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về chia tài sản chung:* Chị V và anh H tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị Phùng Thị Thanh V là nguyên đơn trong vụ án nên pH nộp toàn bộ án phí theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phùng Thị Thanh V và anh Vũ Hồng H.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phùng Thị Thanh V phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp tại biên lai số 0000123 ngày 09-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

3. Quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị Thanh V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Hồng H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Nam Định;
- Chi cục Thi hành án TP. Nam Định;
- UBND P. N, TP. N;
- Lưu Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Ngọc Lương**